

Bản án số: 18/2026/KDTM-PT

Ngày: 25 - 09 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuỷ Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý 07/2026/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng thi công.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2026/KDTM-ST ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ: Số B, khóm N, phường H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị G, sinh ngày: 30/03/1963; Chức vụ: Giám đốc; Căn cước công dân số: 037163003498; cấp ngày: 09/04/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bằng L, sinh ngày: 16/09/1986; Căn cước công dân số: 095086000478, cấp ngày: 01/04/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/5/2026) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ: Số B, đường T, phường B, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu D1, sinh ngày: 25/12/1976; Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch; Căn cước công dân số: 096076015694, cấp ngày: 12/10/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại:

Số B, đường T, phường B, tỉnh Cà Mau (Theo giấy ủy quyền ngày 04/11/2025) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Công ty TNHH T (viết tắt là Công ty T) và bị đơn là Công ty Cổ phần C (viết tắt là Công ty C) ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/HĐTC/TH.G-XLD BL ngày 02/12/2020, để thi công công trình đường dây trung áp 03 pha và trạm biến áp 3P1250KVA-22/0,4KV, với tổng giá trị hợp đồng 1.339.285.000 đồng.

Theo hợp đồng, phạm vi công việc gồm các hạng mục chính như dựng cột điện trung thế, kéo đường dây trung thế khoảng 300m và lắp đặt trạm biến áp 1.250kVA cùng các thiết bị đấu nối. Thời gian thi công là 30 ngày kể từ khi bên A chuyển tiền tạm ứng và bàn giao mặt bằng hoàn chỉnh cho bên B.

Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã tạm ứng cho Công ty C 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, công trình không được triển khai thi công. Nguyên đơn cho rằng đã chuẩn bị mặt bằng, hoàn thành phần mái nhà trên diện tích khoảng 01ha, nhưng bị đơn không thực hiện việc dựng cột, kéo đường dây, lắp đặt trạm biến áp theo hợp đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng, buộc bị đơn hoàn trả 500.000.000 đồng tiền tạm ứng và 258.000.000 đồng tiền lãi, tính với mức 10%/năm từ tháng 12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn thống nhất chấm dứt hợp đồng nhưng không đồng ý hoàn trả tiền tạm ứng và tiền lãi. Bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa bàn giao mặt bằng hoàn chỉnh nên chưa phát sinh thời hạn thi công 30 ngày theo hợp đồng. Sau khi nhận tiền tạm ứng, bị đơn đã mua thiết bị để thực hiện công trình, gồm máy biến áp VINTEC 03 pha, công suất 1.250kVA, điện áp 0,4/22kV, số Serial 20-0380, giá 401.500.000 đồng và tủ điện giá 101.035.000 đồng, tổng cộng 502.535.000 đồng; bị đơn đồng ý giao các thiết bị này cho nguyên đơn và không yêu cầu thanh toán phần chênh lệch.

Nguyên đơn không đồng ý nhận máy biến áp và tủ điện, cho rằng khoản tiền 500.000.000 đồng là tiền tạm ứng để thực hiện toàn bộ hợp đồng, không phải khoản tiền giao riêng để mua hai thiết bị; thực tế bị đơn chưa dựng cột, chưa kéo đường dây, chưa lắp đặt trạm biến áp và chưa bàn giao cho nguyên đơn bất kỳ khối lượng công việc nào.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2026/KDTM-ST ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 01/HĐTC/TH.G-XLD BL ngày 02/12/2020 được ký kết giữa Công ty T và Công ty C.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc yêu cầu buộc Công ty C trả lại tiền tạm ứng 500.000.000 đồng và tiền lãi 258.000.000 đồng.

3. Buộc Công ty C giao lại cho Công ty T 01 Máy biến áp 3P-1.250KVA 0,4/22KV trị giá 401.500.000 đồng và 01 cái Tủ điện A 2000A trị giá 101.035.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026 Công ty T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm số 03/2026/KDTM-ST ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc buộc Công ty C trả lại tiền tạm ứng 500.000.000 đồng và tiền lãi 285.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ của các bên và lỗi của nguyên đơn là chưa phù hợp, bởi hợp đồng không có điều khoản quy định việc bàn giao mặt bằng phải được lập thành văn bản. Thực tế, nguyên đơn đã bàn giao mặt bằng, chỉ vị trí và cung cấp sơ đồ để bị đơn triển khai thi công. Trường hợp cho rằng chưa được bàn giao mặt bằng nên không thể thi công thì bị đơn phải thông báo, yêu cầu hoặc nhắc nhở nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ, nhưng bị đơn không thực hiện. Việc cấp sơ thẩm căn cứ văn bản của Công ty Đ để xác định nguyên đơn chưa bàn giao mặt bằng, từ đó xác định lỗi hoàn toàn thuộc về nguyên đơn là chưa phù hợp.

Sau khi nhận 500.000.000 đồng tiền tạm ứng, bị đơn không chứng minh được đã sử dụng khoản tiền này để thực hiện hạng mục nào của công trình theo hợp đồng; không có khối lượng công việc nào được thi công, nghiệm thu hoặc bàn giao cho nguyên đơn. Các chứng từ liên quan đến việc mua máy biến áp và thời điểm kiểm định máy không phù hợp về thời gian; hóa đơn được lập sau thời hạn thi công theo hợp đồng, việc kiểm định máy được thực hiện sau đó. Bị đơn không tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không có văn bản thông báo cho nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty C trình bày: Hợp đồng thi công đến nay chưa chấm dứt hiệu lực do nguyên đơn chưa thực hiện nghĩa vụ bàn giao mặt bằng để bị đơn triển khai thi công. Để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng, trước khi ký hợp đồng, đơn vị thi công phải chủ động tìm nguồn cung cấp vật tư, thiết bị. Muốn triển khai thi công, chủ đầu tư phải bàn giao mặt bằng và ký hợp đồng giám sát với Công ty Đ; tuy nhiên, nguyên đơn chưa thực hiện các công việc này. Bị đơn có lập văn bản mời nguyên đơn đến làm việc để giải quyết việc hợp đồng không tiếp tục được thực hiện nhưng nguyên đơn không đến làm việc và không ký xác nhận vào văn bản. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T. Giữ nguyên Bản án kinh

doanh thương mại sơ thẩm số 03/2026/KDTM-ST ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của Công ty T được nộp trong thời hạn luật định. Về quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết, cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Công ty T, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 02/12/2020, Công ty T và Công ty C ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/HĐTC/TH.G-XLD BL để thi công đường dây trung áp 03 pha và trạm biến áp 3P1250KVA-22/0,4KV, giá trị hợp đồng 1.339.285.000 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng cho bị đơn 500.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng; bị đơn không yêu cầu tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ đồng ý chấm dứt hợp đồng với điều kiện giữ nguyên bản án sơ thẩm, trong khi các bên còn tranh chấp về tiền tạm ứng, tiền lãi và việc xử lý máy biến áp, tủ điện.

Điều 10 của hợp đồng quy định khi phát sinh vướng mắc, các bên thương lượng; nếu không đạt được thỏa thuận thì tranh chấp được giải quyết theo quy định pháp luật. Thực tế hợp đồng không còn được tiếp tục thực hiện, nguyên đơn yêu cầu chấm dứt và bị đơn không yêu cầu tiếp tục thực hiện nên có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu chấm dứt hợp đồng và giải quyết hậu quả theo phần nghĩa vụ các bên đã thực hiện.

[3] Theo Điều 3 của hợp đồng, thời gian thi công 30 ngày được tính kể từ khi bên A chuyển tiền tạm ứng và bàn giao mặt bằng hoàn chỉnh cho bên B; đây là hai điều kiện phải đồng thời được đáp ứng.

Nguyên đơn đã tạm ứng 500.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã bàn giao mặt bằng hoàn chỉnh, mốc, tọa độ và các điều kiện cần thiết để bị đơn triển khai thi công. Việc nguyên đơn cho rằng đã hoàn thành phần mái nhà trên diện tích khoảng 01ha, đã chỉ vị trí và mặt bằng sẵn sàng chưa đủ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ bàn giao mặt bằng theo hợp đồng. Vì vậy, chưa có căn cứ xác định thời hạn thi công 30 ngày đã bắt đầu và bị đơn vi phạm tiến độ.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền tạm ứng, bị đơn cũng không có tài liệu chứng minh đã yêu cầu nguyên đơn bàn giao mặt bằng, thông báo các điều kiện còn thiếu hoặc đơn đốc thực hiện nghĩa vụ để tiếp tục hợp đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ việc nguyên đơn chưa bàn giao mặt bằng để quy toàn bộ hậu quả của việc hợp đồng không thực hiện được cho nguyên đơn là chưa xem xét đầy đủ quá trình thực hiện hợp đồng của cả hai bên.

[4] Việc nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bàn giao mặt bằng là căn cứ xác định bị đơn chưa vi phạm thời hạn thi công và xem xét thiệt hại thực tế phát sinh, nếu có nhưng không đương nhiên làm phát sinh quyền của bị đơn được giữ toàn bộ hoặc một phần số tiền 500.000.000 đồng đã nhận tạm ứng.

Khoản tiền này được tạm ứng để thực hiện toàn bộ Hợp đồng số 01, không phải khoản thanh toán riêng cho máy biến áp và tủ điện. Do đó, khi hợp đồng chấm

dứt phải căn cứ phân nghĩa vụ bị đơn thực tế đã thực hiện, bàn giao và thiệt hại để xử lý khoản tiền tạm ứng.

[5] Công việc theo hợp đồng không chỉ gồm cung cấp máy biến áp mà còn có đường dây trung áp, cột điện, trạm biến áp và các thiết bị đấu nối. Bị đơn chưa dựng cột điện, kéo đường dây trung thế, lắp đặt trạm biến áp; không có khối lượng xây lắp nào được nghiệm thu, bàn giao cho nguyên đơn.

Bị đơn có mua máy biến áp VINTEC công suất 1.250kVA, điện áp 0,4/22kV, số máy 20-0380 và tủ điện để chuẩn bị thực hiện công trình. Tuy nhiên, các thiết bị chưa được lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao và hiện vẫn do bị đơn quản lý; nguyên đơn không đồng ý nhận. Vì vậy, việc mua thiết bị không đồng nghĩa bị đơn đã hoàn thành, bàn giao phần nghĩa vụ tương ứng và không phải là căn cứ lấy toàn bộ giá mua thiết bị để khấu trừ tiền tạm ứng.

[6] Đối với ý kiến nguyên đơn cho rằng máy biến áp không phù hợp công trình, Công văn số 5783/PCCM-KTTTPC ngày 11/8/2026 của Công ty Đ xác định hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được Điện lực Hòa Bình thống nhất không yêu cầu máy biến áp của nhà sản xuất cụ thể; việc lựa chọn nhà sản xuất thuộc thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Máy biến áp VINTEC công suất 1.250kVA-22/0,4kV, số Serial 20-0380 đã được đơn vị thử nghiệm độc lập kết luận đạt yêu cầu vận hành và phù hợp đặc tính kỹ thuật theo quy định của Tổng công ty Đ1. Vì vậy, không có căn cứ xác định bị đơn vi phạm hợp đồng chỉ vì mua máy biến áp VINTEC.

Tuy nhiên, việc máy đáp ứng yêu cầu kỹ thuật không làm phát sinh nghĩa vụ của nguyên đơn phải nhận khi thiết bị chưa được lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao theo hợp đồng.

[7] Đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm về thời điểm mua và kiểm định máy biến áp, nguyên đơn cho rằng hóa đơn mua máy được lập năm 2020, trong khi Biên bản kiểm định số 210100066/TNDMN-HG ngày 11/01/2021 thể hiện việc thử nghiệm ngày 08/01/2021 nên có mâu thuẫn về thời điểm mua, kiểm định.

Biên bản kiểm định thể hiện máy biến áp VINTEC, số chế tạo 20-0380, công suất 1.250kVA, điện áp 22/0,4kV, đơn vị yêu cầu kiểm định là Công ty Cổ phần C. Các thông số này phù hợp với máy hiện do bị đơn quản lý và máy được Công ty Đ đề cập tại Công văn số 5783/PCCM-KTTTPC ngày 11/8/2026.

Việc hóa đơn được lập trước thời điểm kiểm định chưa đủ căn cứ xác định giao dịch mua máy không có thật hoặc hồ sơ kiểm định được lập để hợp thức hóa việc mua máy; hồ sơ cũng không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định hóa đơn không hợp pháp. Mặt khác, dù xác định máy được bị đơn mua để thực hiện Hợp đồng số 01 thì máy vẫn chưa được lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao và hiện do bị đơn quản lý. Vì vậy, chứng cứ này không làm thay đổi việc xử lý khoản tiền tạm ứng.

[8] Tại cấp phúc thẩm, Tòa án thành lập Hội đồng định giá gồm đại diện Sở Tài chính tỉnh C, Sở Công Thương tỉnh C và Công ty Đ. Theo Biên bản làm việc ngày 18/9/2026, Hội đồng thống nhất không tiến hành định giá; trường hợp cần xác định giá trị tài sản thì đề nghị thuê tổ chức thẩm định giá.

Xét máy biến áp và tủ điện chưa giao cho nguyên đơn, nguyên đơn không đồng ý nhận, tài sản vẫn do bị đơn quản lý và việc giải quyết vụ án không theo hướng giao tài sản cho nguyên đơn để đòi trừ tiền tạm ứng nên không cần thiết tiếp tục thẩm định giá.

[9] Bị đơn cho rằng đã sử dụng tiền tạm ứng để mua máy biến áp và tủ điện phục vụ công trình. Tuy nhiên, chi phí mua tài sản không đương nhiên trở thành thiệt hại khi hợp đồng không tiếp tục thực hiện, bởi tài sản vẫn tồn tại và do bị đơn quản lý.

Theo Điều 302, Điều 303 và Điều 304 Luật Thương mại, thiệt hại được bồi thường phải là tổn thất thực tế, trực tiếp; bên yêu cầu bồi thường phải chứng minh tổn thất và mức độ tổn thất. Trong vụ án, không có chứng cứ xác định mức giảm giá của máy biến áp, tủ điện, chi phí bốc xếp, lưu kho, bảo quản hoặc thiệt hại thực tế khác do nguyên đơn chưa bàn giao mặt bằng. Vì vậy, không có căn cứ xác định khoản thiệt hại cụ thể để khấu trừ vào 500.000.000 đồng tiền tạm ứng.

[10] Từ các phân tích trên, mặc dù nguyên đơn chưa chứng minh đã bàn giao mặt bằng hoàn chỉnh nên chưa có căn cứ xác định bị đơn vi phạm thời hạn thi công, nhưng bị đơn chưa có khối lượng công việc nào được nghiệm thu, bàn giao; máy biến áp và tủ điện vẫn do bị đơn quản lý, nguyên đơn không đồng ý nhận; đồng thời bị đơn không chứng minh được thiệt hại cụ thể để khấu trừ tiền tạm ứng.

Do đó, có căn cứ buộc Công ty C hoàn trả Công ty T 500.000.000 đồng tiền tạm ứng. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hoàn trả tiền tạm ứng, đồng thời buộc bị đơn giao máy biến áp và tủ điện cho nguyên đơn là chưa phù hợp. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn đối với nội dung này có căn cứ chấp nhận.

[11] Đối với máy biến áp VINTEC và tủ điện, nguyên đơn không yêu cầu và không đồng ý nhận; tài sản chưa được lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao. Vì vậy, không có căn cứ buộc bị đơn giao máy biến áp và tủ điện cho nguyên đơn.

[12] Đối với yêu cầu trả 258.000.000 đồng tiền lãi tính trên 500.000.000 đồng với mức 10%/năm từ tháng 12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, tại thời điểm bị đơn nhận tiền. Nhận thấy, đây là khoản tạm ứng theo hợp đồng, không phải khoản vay hoặc khoản nợ đã đến hạn. Mặt khác, nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bàn giao mặt bằng là điều kiện để bắt đầu tính thời hạn thi công. Vì vậy, không có căn cứ xác định ngay từ tháng 12/2020 bị đơn đã phát sinh nghĩa vụ hoàn trả và chậm trả. Do đó, yêu cầu trả 258.000.000 đồng tiền lãi không được chấp nhận.

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty T; sửa một phần bản án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/HĐTC/TH.G-XLD BL ngày 02/12/2020; buộc Công ty C hoàn trả 500.000.000 đồng tiền tạm ứng; không chấp nhận yêu cầu 258.000.000 đồng tiền lãi; không buộc bị đơn giao máy biến áp VINTEC và tủ điện cho nguyên đơn.

[14] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[15] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở cấp phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Do bản án sơ thẩm bị sửa và không buộc

nguyên đơn nhận máy biến áp, tủ điện nên Công ty C phải chịu khoản chi phí này. Công ty T đã nộp nên Công ty C phải hoàn trả 2.000.000 đồng.

[16] Về án phí kinh doanh thương mại

Án phí sơ thẩm: Công ty C phải chịu 24.000.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ hoàn trả 500.000.000 đồng; Công ty T phải chịu 12.900.000 đồng đối với yêu cầu 258.000.000 đồng tiền lãi không được chấp nhận.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên Công ty T không phải chịu.

[17] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 302, 303, 304 và 305 Luật Thương mại năm 2005;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH T.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2026/KDTM-ST ngày 04/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/HĐTC/TH.G-XLD BL ngày 02/12/2020 giữa Công ty TNHH T và Công ty Cổ phần C.

2. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH T về việc hoàn trả tiền tạm ứng.

Buộc Công ty Cổ phần C hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH T về việc buộc Công ty Cổ phần C trả số tiền lãi 258.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng).

4. Không buộc Công ty Cổ phần C giao cho Công ty TNHH T máy biến áp 03 pha VINTEC, công suất 1.250kVA, điện áp 0,4/22kV, số Serial 20-0380 và tủ điện đã mua để chuẩn bị thực hiện Hợp đồng số 01/HĐTC/TH.G-XLD BL ngày 02/12/2020.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty Cổ phần C phải hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nêu trên, Công ty Cổ phần C còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần C phải chịu 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Công ty TNHH T phải chịu 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng). Ngày 14/10/2025 Công ty đã nộp tạm ứng án phí số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0001844, của Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ, Công ty TNHH T phải nộp tiếp 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH T không phải chịu. Ngày 17/03/2026 Công ty TNHH T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), theo biên lai số 0002789, của Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4, 7, 8, 34, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 6 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập

Hoàng Thị Hải Hà

Đỗ Cao Khánh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh